

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 12 - 2021.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; thường trú: Số 736 tổ 55 xã N, huyện T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1984; thường trú: Số 736 tổ 55 xã N, huyện T, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú: Khu nhà đất nền T, lô 1, nền LK07, đường số 1, khu phố P1, phường B, Thành phố K, tỉnh Bình Dương.

(Chị M, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 4 năm 2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Mai Văn T tự tìm hiểu yêu thương nhau sau đó về chung sống với nhau năm 2011, vợ chồng làm chứng nhận kết hôn

tại UBND xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 05 ngày 15/4/2013). Từ khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, tiền vợ chồng làm ăn không quy về một mối nên vợ chồng thường bất hòa, nhiều lúc anh T đánh chị, mặc dù chị cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T không thay đổi, đỉnh điểm của mâu thuẫn anh T đã đuổi chị ra khỏi nhà. Nay tình cảm không còn chị M yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị M, anh T có 01 con chung tên Mai Hoài A, sinh ngày 21/11/2013, sau khi vợ chồng ly thân chị chuyển ra tỉnh Thanh Hóa sinh sống, cháu A sinh sống với anh T. Khi ly hôn chị M giao con chung cháu A cho anh T nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 15/11/2021, bị đơn anh Mai Văn T trình bày : Anh T và chị Nguyễn Thị M tự tìm hiểu yêu thương nhau hơn 1 năm rồi tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện chúng tôi cưới nhau năm 2012, chúng tôi có làm chứng nhận kết hôn tại UBND xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, theo chứng nhận kết hôn quyển số 33, quyển số 5, cấp ngày 15/4/2013. Từ khi về chung sống với nhau vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn, do chị M hay ghen tuông, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm giữa anh và chị M không còn, anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung tên Mai Hoài A, sinh ngày 21/11/2013. Cháu A đang ở ổn định cùng với anh. Khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại công việc của tôi là kinh doanh phế liệu thu nhập trung bình hàng tháng từ 80.000.000 đồng trở lên đủ điều kiện nuôi cháu A.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chị M làm đơn yêu cầu ly

hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận. Về nuôi con chung, sau ly hôn chị M, anh T đều thống nhất giao cháu Mai Hoài A cho anh T nuôi dưỡng và chị M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, bị đơn anh Mai Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt chị M, anh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị M và anh Mai Văn T có chứng nhận kết hôn tại UBND xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 05 ngày 15/4/2013). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T hợp pháp.

[3] *Về nội dung yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M*: Qua trình bày của chị M thể hiện giữa chị và anh Mai Văn T trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn trong kinh tế gia đình... Xét, mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Qua yêu cầu của chị M, trình bày của anh T thể hiện hôn nhân giữa chị M và anh T không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chị M và anh T có 01 con chung tên Mai Hoài A, sinh ngày 21/11/2013. Hiện cháu A đang ở với anh T. Sau khi ly hôn chị M có yêu cầu giao cháu A cho anh T nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình làm việc anh T đồng ý nuôi cháu A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi dưỡng. Xét, hiện cháu A đang ở ổn định với anh T. Do vậy, thỏa thuận trên của chị M, anh T được ghi nhận phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị M, anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[7] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M đối với bị đơn anh Mai Văn T.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Mai Văn T (giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyền số 05 ngày 15/4/2013 tại UBND xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng)

1.2 Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao con chung cháu Mai Hoài A, sinh ngày 21/11/2013 cho anh Mai Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị M, anh Mai Văn T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Anh T phải tạo điều kiện cho chị M trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị M, anh Mai Văn T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049561 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chị Nguyễn Thị M, anh Mai Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự (2);
- VKSND TP Dĩ An (1);
- CC THADS TP Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã N' Thôn Hạ (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Vũ Linh